

Số: 50 /TTr-BTP

Hà Nội, ngày 13 tháng 6 năm 2024

## TỜ TRÌNH

**Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực  
hộ tịch, quốc tịch, chứng thực**  
(Phục vụ thẩm định tại Bộ Tư pháp)

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Bộ Tư pháp kính trình Chính phủ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực, bao gồm: Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch, Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch, Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến, Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam (sau đây gọi tắt là dự thảo Nghị định) như sau:

### I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

**1. Đối với Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch:**

2.1. Nội dung sửa đổi theo yêu cầu của Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 04/7/2017 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng của Bộ Tư pháp (Nghị quyết số 58/NQ-CP)

Theo Nghị quyết số 58/NQ-CP, Chính phủ yêu cầu sửa đổi, bổ sung Nghị định số 23/2015/NĐ-CP để thực thi phương án đơn giản hóa TTHC (TTHC), giấy tờ công dân trong chứng thực hợp đồng, giao dịch theo hướng: người yêu cầu chứng thực (trường hợp là người Việt Nam) không phải nộp bản sao giấy tờ tùy thân khi thực hiện các TTHC về chứng thực hợp đồng, giao dịch (mục VI phần A và điểm 6 mục I phần B của Phương án kèm theo Nghị quyết số 58/NQ-CP).

Theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP: Hồ sơ chứng thực hợp đồng, giao dịch: người yêu cầu chứng thực nộp bản sao (không cần chứng thực) giấy tờ tùy thân khi thực hiện thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch. Quá

trình thực hiện các quy định nêu trên cho đến nay chưa xuất hiện tồn tại, bất cập và không mâu thuẫn với quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác.

Đến nay, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (CSDLQGVC) đã chính thức được đưa vào vận hành và triển khai trên toàn quốc, các cơ quan có thẩm quyền có thể kiểm tra thông tin nhân thân của người yêu cầu chứng thực trên CSDLQGVC. Tuy nhiên, khi tiếp nhận hồ sơ yêu cầu chứng thực, cơ quan chứng thực cần thiết kiểm tra đặc điểm nhận dạng của người yêu cầu để khẳng định đúng chủ thể tham gia hợp đồng, giao dịch. Do đó, để phù hợp tinh thần Nghị quyết số 58/NQ-CP, đồng thời đảm bảo yêu cầu kiểm tra nhận dạng, tư cách chủ thể yêu cầu chứng thực, việc sửa đổi Nghị định số 23/2015/NĐ-CP theo hướng quy định xuất trình (thay cho nộp bản sao) giấy tờ tùy thân khi yêu cầu chứng thực hợp đồng, giao dịch là cần thiết và phù hợp.

*2.2. Nội dung sửa đổi theo yêu cầu của Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan ngang bộ (Quyết định số 1015/QĐ-TTg):*

Theo Quyết định số 1015/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 5 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP để thực thi phương án phân cấp thực hiện TTHC theo hướng: bổ sung thẩm quyền cho UBND cấp xã được chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận; thực hiện trong giai đoạn 2022-2023 (mục Đ Phụ lục XV kèm theo Quyết định số 1015/QĐ-TTg).

Theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP thẩm quyền thực hiện chứng thực bản sao từ bản chính: UBND cấp xã “chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận”; Phòng Tư pháp cấp huyện, cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam ở nước ngoài, các tổ chức hành nghề công chứng “chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận”.

Để thực thi phương án phân cấp thực hiện TTHC theo Quyết định 1015/QĐ-TTg, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện TTHC có thể lựa chọn yêu cầu chứng thực tại cơ quan, tổ chức có thẩm quyền thuận tiện nhất, thì việc bổ sung thêm thẩm quyền chứng thực cho UBND cấp xã là phù hợp.

*2.3. Nội dung sửa đổi để phù hợp pháp luật về căn cước, xuất, nhập cảnh*

- Hiện nay, Luật căn cước năm 2023 đã được ban hành, có hiệu lực từ ngày 01/7/2024. Theo đó, Thẻ căn cước (cấp từ 01/7/2024), Căn cước công dân (cấp trước 01/7/2024) đều được công nhận giá trị sử dụng theo thời hạn được ghi trên thẻ; Chứng minh nhân dân còn thời hạn sử dụng đến sau ngày 31/12/2024 thì có

giá trị sử dụng đến hết ngày 31/12/2024, do đó, cần thiết sửa đổi, thay thế các thuật ngữ liên quan đến “Giấy chứng minh nhân dân” trong quy định của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP.

- Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và Luật nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam có quy định về một số loại giấy tờ có thể được dùng để đi lại quốc tế như: giấy thông hành để qua lại khu vực biên giới, giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế cấp cho người không quốc tịch... tuy nhiên, Nghị định số 23/2015/NĐ-CP chưa có quy định cho phép sử dụng các loại giấy tờ này. Do đó, để tạo điều kiện cho người dân trong việc thực hiện các TTHC về chứng thực (nếu có nhu cầu), Nghị định số 23/2015/NĐ-CP cần thiết sửa đổi, bổ sung các loại giấy tờ này là một trong các loại giấy tờ xuất trình khi thực hiện TTHC về chứng thực.

## **2. Đối với Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch**

### *2.1. Các nội dung sửa đổi theo yêu cầu của Nghị quyết số 58/NQ-CP*

- Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 04/7/2017 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng của Bộ Tư pháp đã giao Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ thủ tục hành chính, giấy tờ công dân, cụ thể gồm: (1) Bãi bỏ thủ tục Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân; (2) Bỏ quy định về xuất trình Giấy chứng nhận kết hôn của cha, mẹ trẻ em (trường hợp cha, mẹ trẻ có đăng ký kết hôn) tại thủ tục đăng ký khai sinh, đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài; (3) Bỏ quy định nộp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, Trích lục ghi chú ly hôn (đối với công dân Việt Nam) tại thủ tục Đăng ký kết hôn, Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài.

### *2.2. Một số nội dung sửa đổi xuất phát từ yêu cầu thực tiễn*

Bên cạnh đó, xuất phát từ thực tiễn công tác đăng ký, quản lý hộ tịch, Bộ Tư pháp đề xuất sửa thêm một số nội dung:

- Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Dân sự, trường hợp giám sát việc giám hộ liên quan đến quản lý tài sản của người được giám hộ thì người giám sát phải thực hiện việc đăng ký tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của người được giám hộ. Tuy nhiên, do Luật hộ tịch, Nghị định số 123/2015/NĐ-CP có hiệu lực trước Bộ luật Dân sự 2015 nên Luật hộ tịch và các văn bản quy định chi tiết thi hành chưa có quy định về thủ tục đăng ký giám sát giám hộ, chấm dứt giám sát giám hộ. Bên cạnh đó, theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Luật Hộ tịch thì một trong những nội dung đăng ký hộ tịch là “Xác nhận hoặc ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác theo quy định của pháp luật”. Trong trường hợp này, đăng ký giám sát việc giám hộ, đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ được hiểu là “việc hộ tịch khác”.

Do đó, để đáp ứng yêu cầu phát sinh trong thực tế, bảo đảm quyền lợi của người dân, cần bổ sung thủ tục đăng ký giám sát việc giám hộ, chấm dứt giám sát việc giám hộ vào nội dung Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 123/2015/NĐ-CP.

- Ngày 27/11/2023, tại Kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XV, Quốc hội đã chính thức thông qua Luật Căn cước. Theo quy định tại khoản 3 Điều 45 Luật căn cước thì “Luật Căn cước công dân số 59/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 68/2020/QH14 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.” (ngày 01/7/2024). Do đó, các quy định dẫn chiếu Luật Căn cước công dân cần sửa đổi thành dẫn chiếu Luật Căn cước để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ.

- Về phương thức đăng ký hộ tịch: thực hiện nhiệm vụ được giao tại Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ việc chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến 2030 ban hành kèm theo Quyết định số 06/QĐTTg ngày 06/01/2022 (Đề án 06), Bộ Tư pháp đã đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tái cấu trúc quy trình, ban hành Quy trình tiếp nhận, giải quyết thủ tục đăng ký khai sinh, đăng ký khai tử, đăng ký kết hôn trực tuyến và thực hiện tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp tỉnh. Đến nay, 63/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã triển khai đăng ký khai sinh, kết hôn, khai tử trực tuyến. Do vậy, cần phải sửa đổi quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP về phương thức đăng ký đối với các thủ tục hộ tịch cho phù hợp.

### **3. Đối với Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến**

Theo quy định tại Nghị định số 87/2020/NĐ-CP thì Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao có thẩm quyền cấp bản sao trích lục hộ tịch, xác nhận thông tin hộ tịch đối với tất cả các trường hợp có thông tin trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử. Tuy nhiên, qua thực tiễn triển khai quy định của Nghị định số 87/2020/NĐ-CP cho thấy, yêu cầu cấp bản sao Trích lục hộ tịch, xác nhận thông tin hộ tịch tại Bộ Tư pháp thời gian qua không nhiều, tính từ ngày 30/01/2023 đến nay, tổng số trường hợp yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch, xác nhận thông tin hộ tịch là 996 hồ sơ, trong đó, có 39 hồ sơ yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch đã được tiếp nhận, giải quyết.

Đối với Bộ Ngoại giao, việc quy định thẩm quyền cấp bản sao trích lục hộ tịch (điểm d khoản 1 Điều 67 Luật Hộ tịch) và thẩm quyền cấp xác nhận thông tin hộ tịch đối với trường hợp công dân đã đăng ký hộ tịch tại Cơ quan đại diện là cần thiết và tạo điều kiện thuận lợi cho các trường hợp công dân Việt Nam đã đăng ký hộ tịch tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, nay về nước cư trú.

Do đó, để phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan Trung ương, đồng thời, tính đến yếu tố thuận lợi cho người dân, dự thảo Nghị định đã sửa đổi theo hướng: bỏ thẩm quyền cấp bản sao Trích lục hộ tịch, xác nhận thông tin hộ

tịch của Bộ Tư pháp; giữ nguyên thẩm quyền đối với các thủ tục này của Bộ Ngoại giao.

#### **4. Đối với Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam.**

##### *4.1. Các nội dung sửa đổi theo yêu cầu của Nghị quyết số 58/NQ-CP*

Tại Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 04/7/2017 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng của Bộ Tư pháp đã giao Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ thủ tục hành chính, giấy tờ công dân trong lĩnh vực quốc tịch bao gồm: (1) bãi bỏ thủ tục “Thông báo có quốc tịch nước ngoài”<sup>1</sup> (2) Không cần xuất trình hoặc nộp các giấy tờ tùy thân, giấy chứng nhận kết hôn của người xin nhập quốc tịch Việt Nam (3) Không yêu cầu nộp các giấy tờ như bản sao Giấy khai sinh hoặc Hộ chiếu Việt Nam hoặc giấy tờ chứng minh có quốc tịch Việt Nam đối với thủ tục thôi quốc tịch Việt Nam (4) Không cần xuất trình hoặc nộp các giấy tờ chứng minh đã từng có quốc tịch Việt Nam, giấy tờ chứng minh đủ điều kiện được trở lại quốc tịch Việt Nam đối với thủ tục trở lại quốc tịch Việt Nam (5) Không cần xuất trình hoặc nộp các giấy tờ chứng minh đã quốc tịch Việt Nam trong thủ tục cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam (6) Không cần xuất trình hoặc nộp các giấy tờ chứng minh đã từng có quốc tịch Việt Nam trong thủ tục cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam.

##### *4.2. Một số nội dung sửa đổi xuất phát từ yêu cầu thực tiễn*

- Về thẩm quyền thụ lý hồ sơ xin cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam Theo quy định tại Điều 30: sửa đổi, bổ sung làm rõ thẩm quyền cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong việc thực hiện yêu cầu cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam.

- Khoản 3 Điều 20, khoản 2 Điều 24 và khoản 3 Điều 28 Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008 quy định trong hồ sơ xin nhập, xin trở lại và xin thôi quốc tịch Việt Nam phải có Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền Việt Nam cấp cho đương sự trong thời gian cư trú tại Việt Nam. Để thực hiện việc đơn giản hóa TTHC, tạo điều kiện cho người dân, dự thảo Nghị định bổ sung quy định về phương thức cấp Phiếu Lý lịch tư pháp để thực hiện Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 9/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh cải cách TTHC cấp Phiếu lý lịch tư pháp tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp và Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 11/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định, thủ tục hành chính liên quan đến Phiếu Lý lịch tư pháp (*Quyết định số 498/QĐ-TTg*).

<sup>1</sup> Thủ tục này được quy định tại Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 09 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam. Đến nay Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 đã thay thế Nghị định này. Nghị định số 16/2020/NĐ-CP đã bãi bỏ thủ tục “Thông báo có quốc tịch nước ngoài”

- Đối với thủ tục xin thôi quốc tịch Việt Nam, Nghị quyết số 58/NQ-CP yêu cầu đơn giản hoá giấy tờ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 28 Luật Quốc tịch Việt Nam. Mặc dù, nội dung này hiện chưa được quy định chi tiết tại Nghị định số 16/2020/NĐ-CP, nhưng khoản 3 Điều 28 Luật Quốc tịch Việt Nam đã giao Chính phủ quy định cụ thể các giấy tờ trong hồ sơ xin thôi quốc tịch Việt Nam. Vì vậy, căn cứ khoản 3 Điều 28 để bổ sung nội dung hướng dẫn này trong Nghị định số 16/2020/NĐ-CP.

- Đối với việc xác nhận là người gốc Việt Nam: khoản 4 Điều 3 Luật Quốc tịch Việt Nam quy định *“Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài là người Việt Nam đã từng có quốc tịch Việt Nam mà khi sinh ra quốc tịch của họ được xác định theo nguyên tắc huyết thống và con, cháu của họ đang cư trú, sinh sống lâu dài ở nước ngoài”*. Tuy nhiên, theo điểm b khoản 1 Điều 33 Nghị định số 16/2020/NĐ-CP thì để xác nhận là người gốc Việt Nam hồ sơ cần có *“Giấy tờ được cấp trước đây để chứng minh người đó đã từng có quốc tịch Việt Nam hoặc giấy tờ để chứng minh khi sinh ra người đó có cha mẹ hoặc ông bà nội, ông bà ngoại đã từng có quốc tịch Việt Nam”*. Như vậy, nếu khi có yêu cầu xin cấp Giấy xác nhận gốc Việt Nam, người đó chỉ cung cấp giấy tờ chứng minh họ đã từng có quốc tịch Việt Nam như quy định tại điểm b khoản 1 Điều 33 Nghị định số 16/2020/NĐ-CP thì không chứng minh được họ đã từng có quốc tịch Việt Nam mà khi sinh ra quốc tịch của họ được xác định theo nguyên tắc huyết thống (như quy định của Luật Quốc tịch Việt Nam). Bên cạnh đó, quy định về *“Giấy tờ để chứng minh khi sinh ra người đó có cha mẹ hoặc ông bà nội, ông bà ngoại đã từng có quốc tịch Việt Nam”* cũng gây ra các cách hiểu khác nhau (chỉ cần có ông hoặc bà hay phải có cả ông bà là người đã từng có quốc tịch Việt Nam) do đó tại Nghị định sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 33 để làm rõ nội dung này.

- Bổ sung cụm từ “ Thẻ căn cước” tại một số điều khoản để phù hợp với Luật Căn cước (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2024).

## **II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH**

### **1. Mục đích**

- Thẻ chế hóa phương án đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân đối với các TTHC trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực quy định tại Nghị quyết số 58/NQ-CP, Đề án số 06 và Quyết định số 1015/QĐ-TTg;

- Tạo sự thống nhất về TTHC giữa quy định pháp luật về hộ tịch, quốc tịch, chứng thực với quy định pháp luật của Bộ luật Dân sự, Luật Căn cước;

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực.

### **2. Quan điểm xây dựng Nghị định**

- Việc xây dựng dự thảo Nghị định bảo đảm đúng quy trình xây dựng văn bản theo thủ tục rút gọn quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020).

- Nội dung thực thi dứt điểm các phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân đảm bảo phù hợp với yêu cầu đã được phê duyệt tại Nghị quyết số 58/NQ-CP, Đề án số 06 và Quyết định số 1015/QĐ-TTg nhằm tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức, cá nhân thực hiện các TTHC.

### **III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG**

#### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định xây dựng nhằm thực hiện việc phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực

#### **2. Đối tượng áp dụng**

Nghị định áp dụng đối với cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực.

### **IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

Ngày 26/1/2024, Văn phòng Chính phủ có Công văn số 635/VPCP-PL thông báo ý kiến của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang về việc đồng ý áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng, ban hành các Nghị định, trong đó có các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực, theo đề xuất của Bộ Tư pháp tại Công văn số 100/BTP-VĐCXDPL ngày 08/01/2024, được điều chỉnh tại Công văn số 325/BTP-VĐCXDPL ngày 18/01/2024.

Áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Bộ Tư pháp đã triển khai các công việc sau:

- Thực hiện rà soát các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 58/NQ-CP, Quyết định số 1015/QĐ-TTg, Đề án số 06, Quyết định số 498/QĐ-TTg và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan như Bộ luật Dân sự, Luật Cư trú, Luật Căn cước; đồng thời tổng hợp khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực.

- Nghiên cứu xây dựng dự thảo Nghị định để thực thi dứt điểm các phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân, phương án phân cấp đã được phê duyệt.

- Ngày 16/01/2024, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ký Quyết định số 57/QĐ-BTP thành lập Ban soạn thảo xây dựng Nghị định và Trưởng Ban soạn thảo đã ký Quyết định số 58/QĐ-BST về việc thành lập Tổ biên tập xây dựng Nghị định.

- Ngày 03/4/2024, Bộ Tư pháp đã có Công văn số 1646/BTP-HTQTCT gửi lấy ý kiến một số Bộ, ngành, đơn vị và Sở Tư pháp địa phương về dự thảo Nghị định.

- Trên cơ sở ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị, Bộ Tư pháp đã tiến hành chính lý, hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị định.

- Ngày .../.../2024, Bộ Tư pháp đã tổ chức thẩm định dự thảo Nghị định (Báo cáo thẩm định số .../BC-BTP ngày .../.../2024).

Trên cơ sở ý kiến thẩm định, Bộ Tư pháp đã tiến hành tiếp thu, chỉnh lý và hoàn thiện dự thảo Nghị định trình Chính phủ xem xét ban hành.

## **V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

### **1. Bố cục:**

Dự thảo Nghị định gồm 05 Điều:

*Điều 1.* Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch

*Điều 2.* Sửa đổi, bổ sung một số điều, mục của Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch

*Điều 3.* Sửa đổi một số điều, khoản của Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến

*Điều 4.* Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam

*Điều 5.* Điều khoản thi hành.

### **2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định**

**2.1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch**

a) Phương án phân cấp thực hiện TTHC tại Quyết định số 1015/QĐ-TTg được thực thi tại dự thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định đã thực hiện sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP: Bổ sung thêm thẩm quyền cho UBND cấp xã được chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận – tương tự thẩm quyền của Phòng Tư pháp cấp huyện đang thực hiện.

b) Phương án đơn giản hoá TTHC tại Nghị quyết 58/NQ-CP được thực thi tại dự thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định đã thực hiện sửa đổi khoản 1 Điều 36: Quy định việc người yêu cầu xuất trình bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản tích hợp trên ứng dụng định danh quốc gia thay cho việc nộp bản sao Giấy chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Thẻ căn cước hoặc Hộ chiếu/giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu còn giá trị sử dụng.

c) Một số nội dung sửa đổi khác



- Sửa đổi, bổ sung nội dung “Bản chính hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn giá trị sử dụng” tại các khoản 1 Điều 17, khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 31, khoản 2 Điều 40 thành “Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản tích hợp trên ứng dụng định danh quốc gia Giấy chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Thẻ căn cước hoặc Hộ chiếu/giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu còn giá trị sử dụng.

- Thay thế cụm từ “Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu” tại khoản 2 Điều 25 và Phụ lục mẫu lời chứng, mẫu sổ chứng thực bằng cụm từ “Giấy chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Thẻ căn cước hoặc Hộ chiếu/giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu”.

## ***2.2. Sửa đổi, bổ sung một số điều, mục của Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch***

a) Những phương án đơn giản hóa TTHC tại Nghị quyết số 58/NQ-CP đã được thực thi tại dự thảo Nghị định:

- Bỏ quy định về xuất trình Giấy chứng nhận kết hôn của cha, mẹ trẻ em (trường hợp cha, mẹ trẻ có đăng ký kết hôn) tại thủ tục đăng ký khai sinh, đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài, đồng thời, bổ sung quy định về việc tra cứu thông tin về tình trạng hôn nhân của cha, mẹ trẻ trong CSDLHT, CSDLQGVDC (sửa đổi khoản 2 Điều 9 theo hướng bãi bỏ đoạn “Trường hợp cha, mẹ của trẻ đã đăng ký kết hôn thì còn phải xuất trình giấy chứng nhận kết hôn”; bổ sung khoản 5 Điều 3 quy định việc tra cứu thông tin về tình trạng hôn nhân của cha mẹ trẻ từ CSDLHT, CSDLQGVDC khi giải quyết thủ tục đăng ký khai sinh).

- Bỏ quy định nộp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, Trích lục ghi chú ly hôn (đối với công dân Việt Nam) tại thủ tục Đăng ký kết hôn, Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài (bãi bỏ đoạn “đăng ký kết hôn phải nộp bản chính Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân theo quy định tại Mục 3 Chương III của Nghị định này” tại khoản 2 Điều 2; bãi bỏ Điều 10 quy định về việc nộp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân khi làm thủ tục đăng ký kết hôn; bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 3 về việc tra cứu thông tin về tình trạng hôn nhân từ CSDLHT, CSDLQGVDC của các bên yêu cầu đăng ký kết hôn; sửa đổi khoản 2 Điều 23 theo hướng bỏ quy định “Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân được sử dụng để đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam”; sửa đổi khoản 3 Điều 30 theo hướng nếu bên kết hôn là công dân Việt Nam đã ly hôn hoặc hủy việc kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nước ngoài mà trong các CSDL không thể hiện rõ thông tin về việc đã ghi chú ly hôn, hủy việc kết hôn thì cơ quan đăng ký hộ tịch hướng dẫn công dân thực hiện thủ tục ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn hoặc hủy việc kết hôn trước khi giải quyết việc đăng ký kết hôn).

b) Phương án đơn giản hóa TTHC tại Nghị quyết 58/NQ-CP được thực thi một phần tại dự thảo Nghị định

Điểm 1 mục VIII phần A của Phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp ban hành kèm theo Nghị quyết số 58/NQ-CP nêu rõ “Bãi bỏ thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân”.

Tuy nhiên, qua tổng hợp ý kiến của một số cơ quan Trung ương và địa phương, đa số các ý kiến thống nhất không nên bỏ thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân tại thời điểm này, vì Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân ngoài mục đích sử dụng để đăng ký kết hôn còn sử dụng vào các mục đích khác ở trong nước (thủ tục du học, vay vốn, lao động...) hoặc sử dụng để đăng ký kết hôn, làm các thủ tục có liên quan tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (bảo lãnh, xin cấp visa...); trong khi không phải tất cả cơ quan có thẩm quyền ở trong nước đều có thẩm quyền khai thác thông tin tình trạng hôn nhân từ CSDLHTĐT hoặc CSDLQGVDC; các cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cũng không thể và không được quyền tra cứu thông tin tình trạng hôn nhân của người dân trong CSDLHTĐT, CSDLQGVDC. Bên cạnh đó, trường hợp công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài có yêu cầu đăng ký kết hôn tại Cơ quan đại diện Việt Nam tại nước ngoài, thì việc tra cứu thông tin về tình trạng hôn nhân từ các CSDL ở thời điểm hiện tại không thực hiện được do các Cơ quan đại diện chưa sử dụng Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung của Bộ Tư pháp, nếu không có Giấy XNTHN thì Cơ quan đại diện sẽ không có căn cứ để giải quyết yêu cầu kết hôn cho công dân.

Do vậy, để tránh gây xáo trộn, đồng thời, vẫn đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính, dự thảo Nghị định đang thiết kế theo hướng: bỏ quy định nộp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân trong thủ tục đăng ký kết hôn/đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài, đồng thời, giữ nguyên quy định về cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân để công dân sử dụng vào các mục đích khác hoặc sử dụng để đăng ký kết hôn tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài ở nước ngoài.

c) Một số nội dung sửa đổi khác

- Sửa đổi, bổ sung Điều 1, theo đó, bổ sung phạm vi điều chỉnh đối với việc đăng ký giám sát việc giám hộ, đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ để phù hợp với nội dung quy định của dự thảo Nghị định.

- Sửa đổi khoản 2 Điều 2 theo hướng bổ sung quy định: “*Trường hợp đã có bản điện tử Giấy chứng sinh, Giấy báo tử thì không yêu cầu công dân phải nộp bản giấy*”. Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử<sup>2</sup>, bản điện tử Giấy chứng sinh, Giấy báo tử có giá trị như bản giấy, do vậy, trong trường hợp đã có bản điện tử Giấy chứng sinh, Giấy báo tử thì yêu cầu công dân nộp bản giấy các giấy tờ này là không cần thiết.

<sup>2</sup> Thành phần hồ sơ được ký chữ ký số có giá trị pháp lý như văn bản giấy được ký hợp lệ

- Sửa đổi khoản 1 Điều 3 theo hướng quy định: người đăng ký các việc hộ tịch đều có thể lựa chọn một trong 03 phương thức nộp hồ sơ: nộp trực tiếp tại cơ quan đăng ký hộ tịch, gửi qua hệ thống bưu chính hoặc đăng ký trực tuyến để bảo đảm quy định đầy đủ các phương thức đăng ký hộ tịch mà người dân có thể lựa chọn.

- Sửa đổi điểm c khoản 1 Điều 4 để cập nhật tên gọi của Luật căn cước và các văn bản quy định chi tiết thi hành.

- Bổ sung Mục 5, chương III về Đăng ký giám sát việc giám hộ, chấm dứt giám sát việc giám hộ (gồm 04 Điều: Điều 28a. Thẩm quyền đăng ký giám sát việc giám hộ, chấm dứt giám sát việc giám hộ; Điều 28b. Thủ tục đăng ký giám sát việc giám hộ; Điều 28c. Thủ tục đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ; Điều 28d. Tờ khai và các biểu mẫu đăng ký giám sát việc giám hộ được quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này) để phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự năm 2015, đồng thời, đáp ứng yêu cầu phát sinh trong thực tế, bảo đảm quyền lợi của người dân.

***2.3. Sửa đổi một số điều, khoản của Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến***

- Sửa đổi khoản 2 Điều 8, khoản 2 Điều 13 theo hướng bỏ thẩm quyền cấp bản sao trích lục hộ tịch, xác nhận thông tin hộ tịch đối với các trường hợp có thông tin trong CSDLHTĐT của Bộ Tư pháp.

- Sửa đổi điểm c khoản 3 Điều 12 theo hướng bỏ cụm từ “và nộp phí, lệ phí theo quy định”, việc thu phí, lệ phí sẽ không thực hiện ngay khi nộp hồ sơ, tránh tình trạng phải hoàn phí đối với hồ sơ không hợp lệ; sau khi công chức bộ phận Một cửa kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, hồ sơ đầy đủ sẽ thông báo nộp phí tới người yêu cầu, bảo đảm thống nhất với quy định tại Nghị định số 63/2024/NĐ-CP ngày 10/6/2024 của Chính phủ quy định việc thực hiện liên thông điện tử 02 nhóm thủ tục hành chính: đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi; đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử tuất.

***2.4. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam.***

a) Những nội dung được sửa đổi, bổ sung đáp ứng yêu cầu của Nghị quyết số 58/NQ-CP

Sửa đổi, bổ sung một số quy định của Nghị định số 16/2020/NĐ-CP, cụ thể: khoản 1, khoản 2 Điều 10 (một số giấy tờ trong hồ sơ xin nhập quốc tịch Việt Nam); khoản 1 và khoản 2 Điều 15 (một số giấy tờ trong hồ sơ xin trở lại quốc tịch Việt Nam); khoản 3 Điều 18 (một số giấy tờ trong hồ sơ xin thôi quốc tịch Việt Nam); khoản 1 Điều 31 (trình tự, thủ tục cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt

Nam) và khoản 1 Điều 33 (trình tự, thủ tục cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam).

Theo đó, bổ sung nội dung sử dụng việc khai thác thông tin trong CSDLQGVC: theo đó trong trường hợp cơ quan tiếp nhận hồ sơ có thể khai thác được thông tin chứng minh quan hệ cha, mẹ, con hoặc thông tin chứng minh quan hệ hôn nhân hoặc thông tin về tình trạng quốc tịch Việt Nam của người có yêu cầu trong CSDLQGVC, thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ quốc tịch không yêu cầu người dân phải nộp các giấy tờ chứng minh nhân thân, quốc tịch hoặc mối quan hệ cha, mẹ, con, vợ/chồng với công dân Việt Nam như Bản sao Giấy khai sinh, bản sao Giấy chứng nhận kết hôn hoặc Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, Bản sao Hộ chiếu Việt Nam, căn cước công dân, thẻ căn cước, Giấy chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ khác quy định tại Điều 11 Luật Quốc tịch Việt Nam

b) Những nội dung được sửa đổi khác

- Bổ sung quy định Sở Tư pháp chủ động yêu cầu cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp Phiếu Lý lịch tư pháp cho người có yêu cầu xin nhập quốc tịch Việt Nam trong thời gian cư trú tại Việt Nam để hoàn thiện hồ sơ xin nhập quốc tịch Việt Nam nhằm thực hiện Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 9/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh cải cách TTHC cấp Phiếu lý lịch tư pháp tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp và Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 11/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định, thủ tục hành chính liên quan đến Phiếu Lý lịch tư pháp.

- Sửa đổi thẩm quyền giải quyết cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam (Điều 30) theo hướng tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người có yêu cầu (Người yêu cầu cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam có thể nộp hồ sơ tại Sở Tư pháp hoặc Cơ quan đại diện, nơi người đó cư trú vào thời điểm nộp hồ sơ).

- Bỏ thẩm quyền Ủy ban nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài thực hiện thủ tục cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam tại Điều 32 do thực tế cho thấy, số lượng hồ sơ được cấp tại cơ quan này trong những năm qua rất thấp và ngày càng giảm, đồng thời cơ quan này gặp khó khăn trong nguồn lực để triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn phần đối với thủ tục cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam.

- Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 33 để tạo cách hiểu thống nhất về người gốc Việt Nam và thành phần trong giấy tờ khi có yêu cầu cấp Giấy xác nhận gốc Việt Nam (Giấy tờ được cấp trước đây hoặc giấy tờ khai thác thông tin trong CSDLQGVC (nếu có) để chứng minh người đó đã từng có quốc tịch Việt Nam mà khi sinh ra quốc tịch của họ được xác định theo nguyên tắc huyết thống hoặc giấy tờ chứng minh người đó là con, cháu của người đã từng có quốc tịch Việt Nam mà khi sinh ra quốc tịch của những người này cũng được xác định theo nguyên tắc huyết thống).

- Bổ sung cụm từ “ Thẻ căn cước” tại khoản 2 Điều 4, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 24, khoản 1 và khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 29, điểm a

khoản 1 Điều 31, điểm a khoản 1 Điều 33, điểm e khoản 1 Điều 35 và khoản 3 Điều 36 để phù hợp với Luật Căn cước.

Trên đây là Tờ trình Chính phủ của Bộ Tư pháp về ban hành dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực. Bộ Tư pháp kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

Xin gửi kèm theo:

1. Dự thảo Nghị định;
2. Bản tiếp thu, giải trình ý kiến của Hội đồng thẩm định.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Bộ (để biết);
- Lưu: VT, HTQTCT.

**TL. BỘ TRƯỞNG  
CỤC TRƯỞNG CỤC HỘ TỊCH,  
QUỐC TỊCH, CHỨNG THỰC**



**Nguyễn Thanh Hải**